

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2020
V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Mã Thanh Trung**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bé M**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn T**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà M có mặt tại phiên tòa; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bé M trình bày:* Bà và ông T sống chung như vợ chồng từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2020 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Tường có 02 con chung tên Võ Huy Th, sinh năm: 1995 và Võ Huy P, sinh năm: 2000. Hiện các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* *Tại Tờ tự khai đề ngày 28/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn T trình bày:* Về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà M trình bày là đúng. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà M.

Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên; Ông T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. ***Về việc vắng mặt của đương sự:*** Bị đơn ông Võ Văn T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo đơn xin vắng mặt.

1.2. ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*** Bà M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân của bà và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

1.3. ***Về quan hệ tranh chấp:*** Bà M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông T nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà M và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2020 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T cũng đồng ý. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung, ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014. Do ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé M và ông Võ Văn T.

2.2. ***Về con chung:*** Bà M và ông T có 02 con chung tên Võ Huy Th, sinh năm: 1995 và Võ Huy P, sinh năm: 2000. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3. ***Về tài sản chung:*** Không có.

2.4. ***Về nợ chung:*** Không có.

[3]. **Về án phí:** Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Bà M và ông T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé M và ông Võ Văn T.

2. Về con chung: 02 con chung tên Võ Huy Th, sinh năm: 1995 và Võ Huy P, sinh năm: 2000, đều đã trưởng thành, lao động được nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có .

5. Về án phí:

- Bà M chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003302 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như bà M đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Ông T được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN